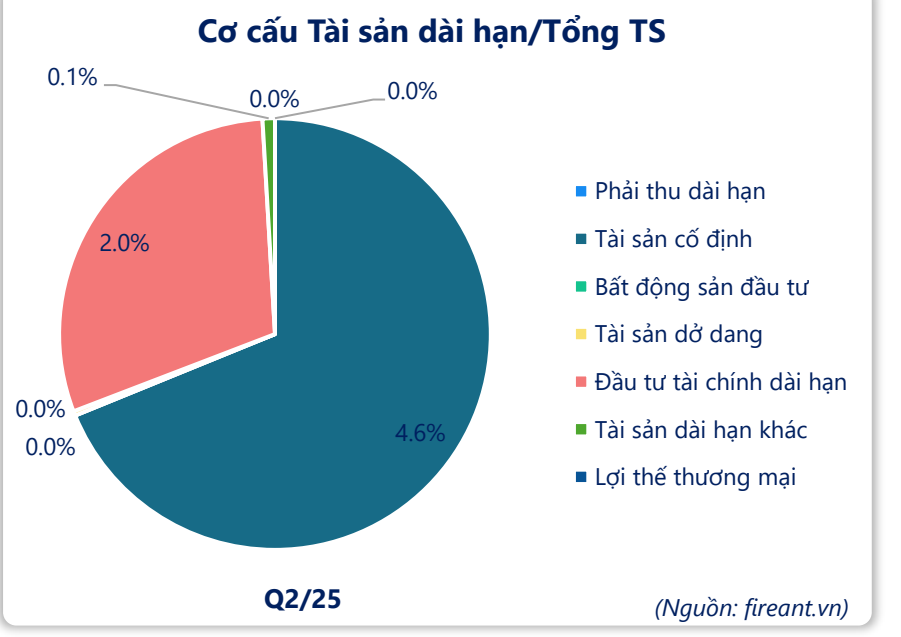
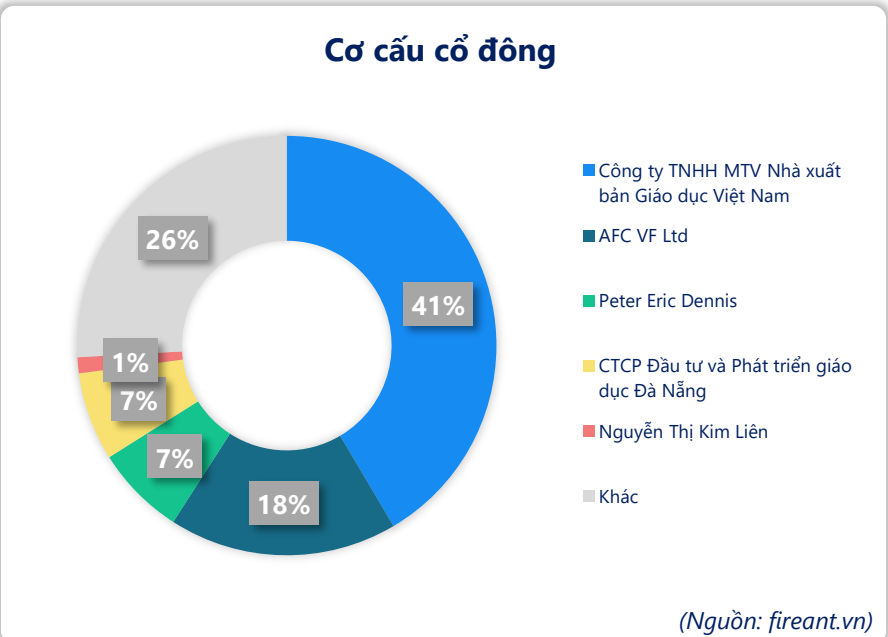
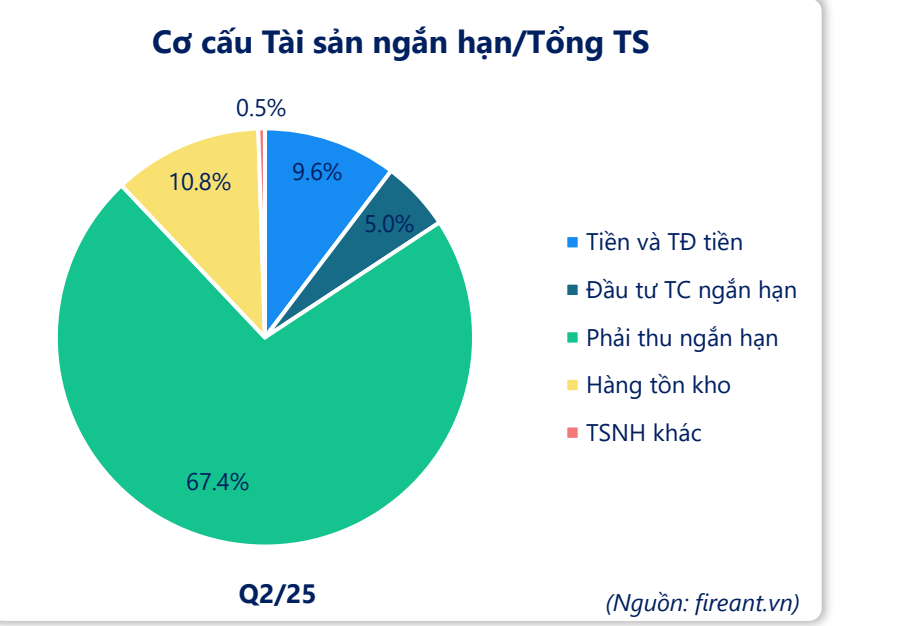
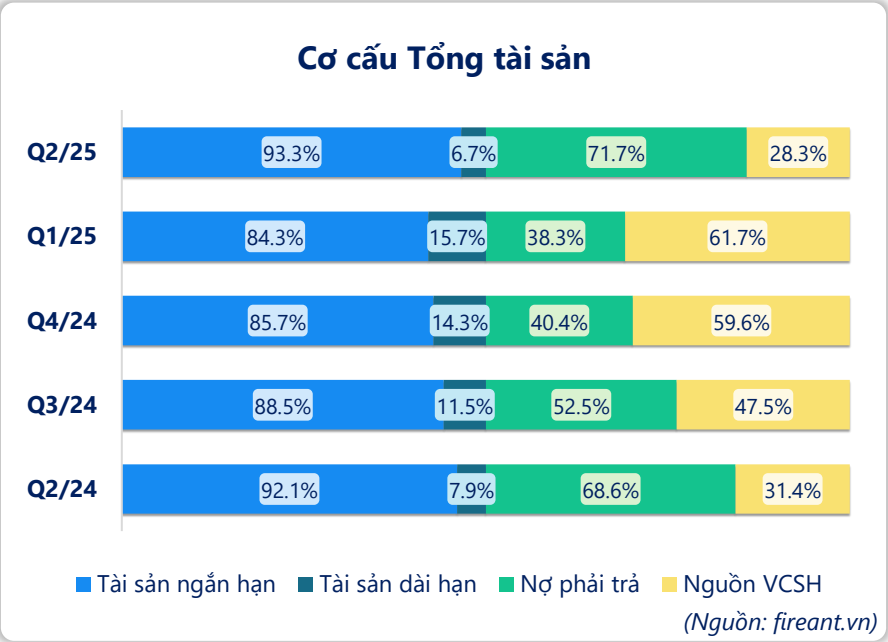
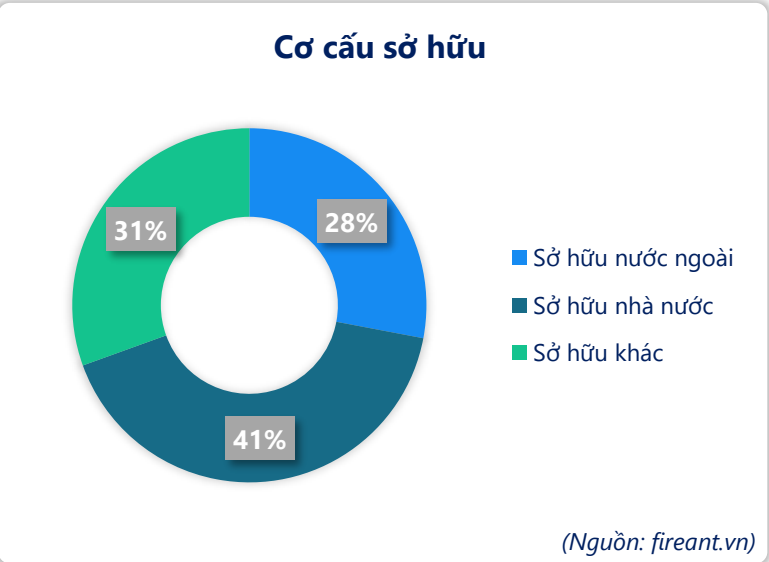
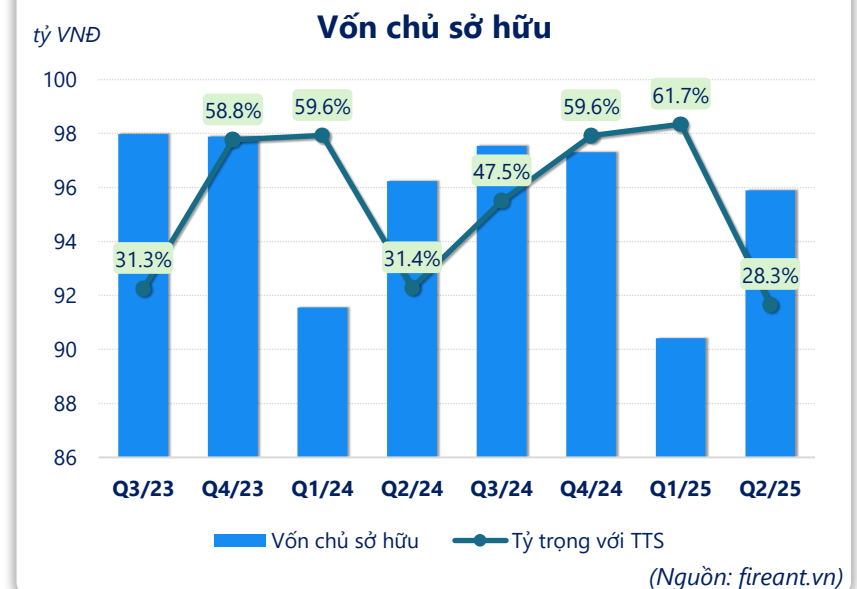
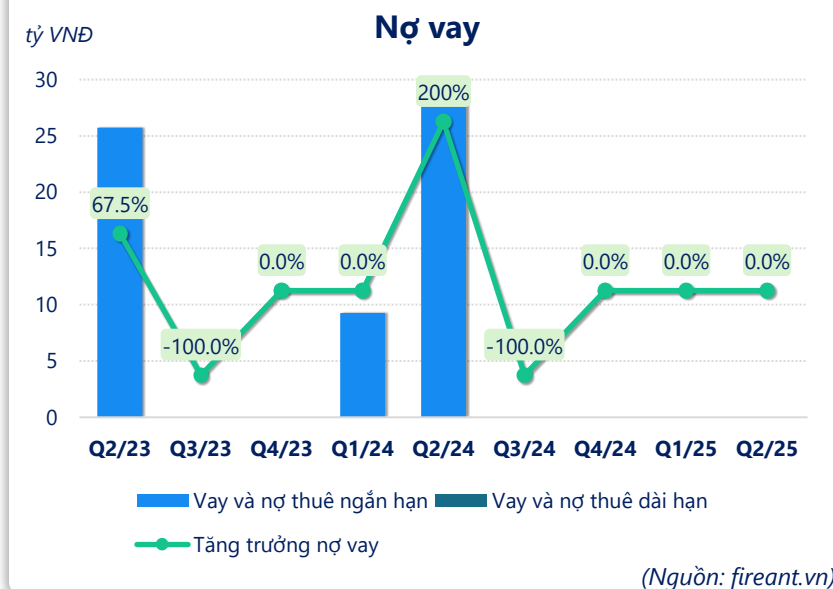
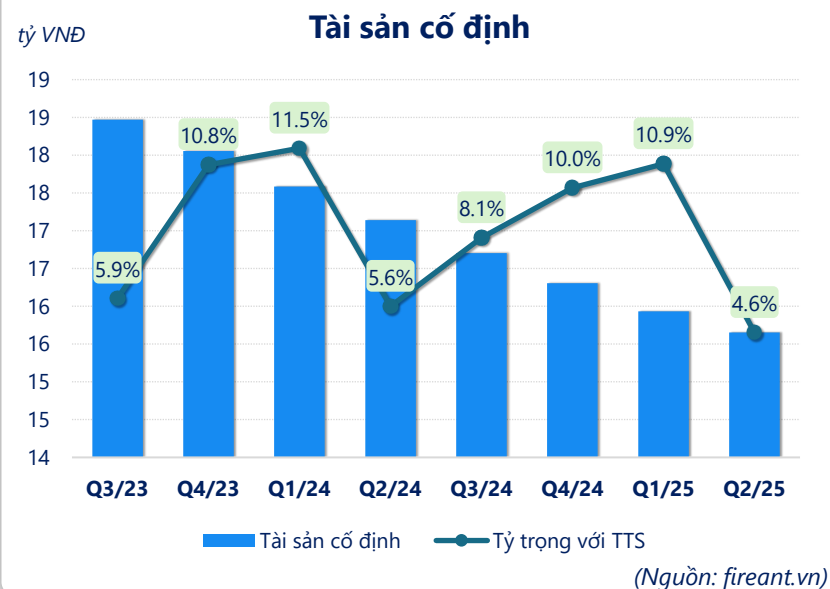
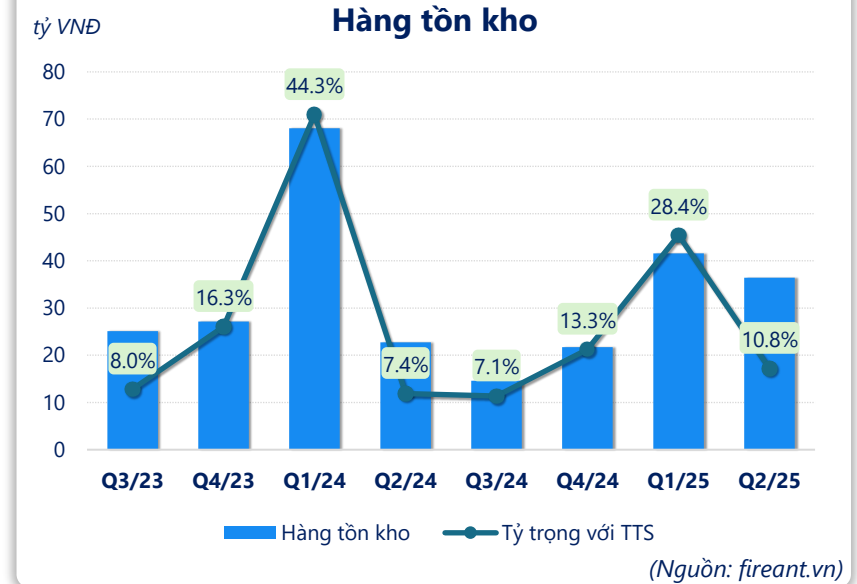
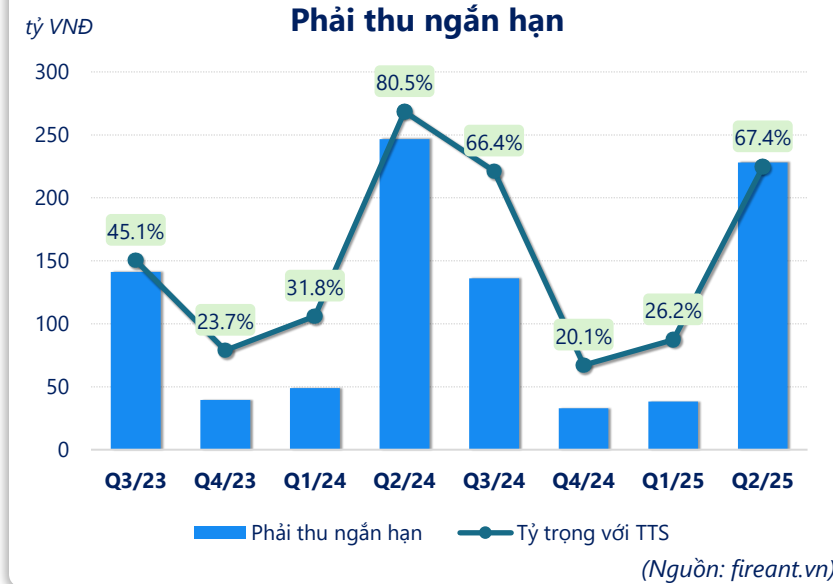
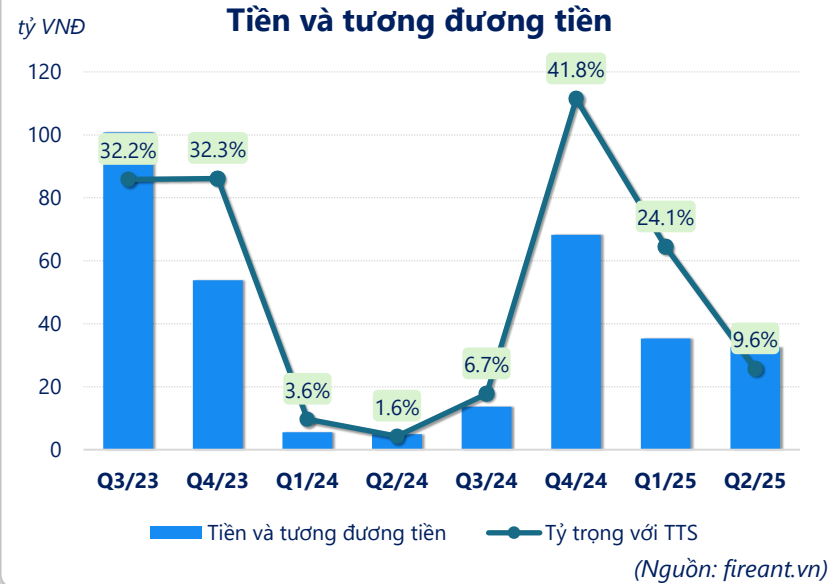
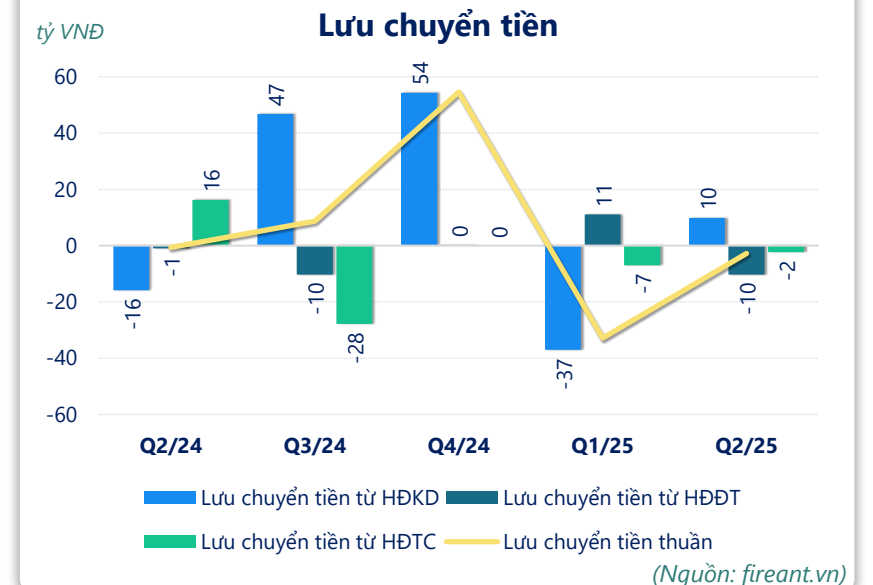
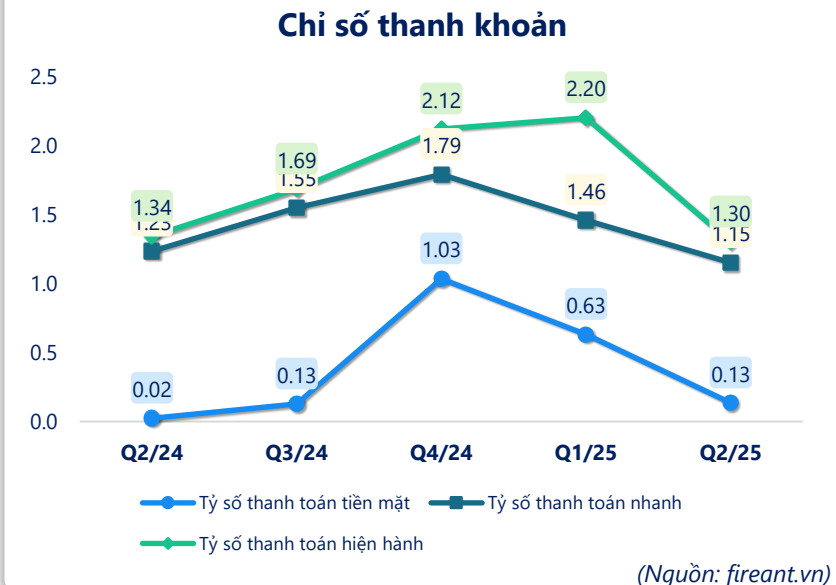
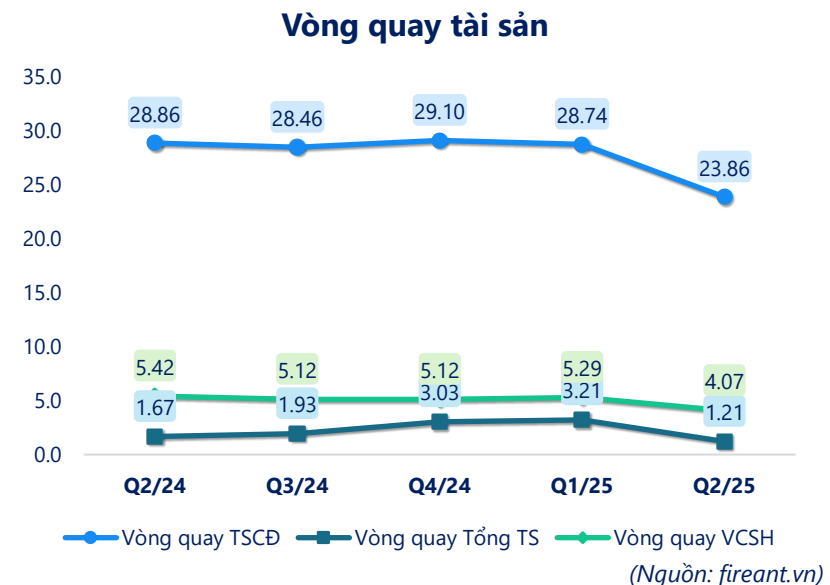
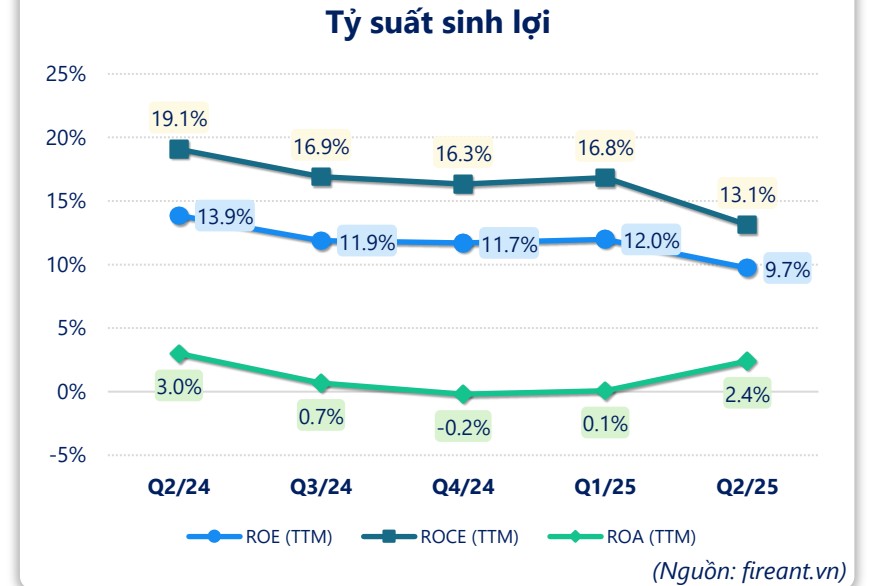
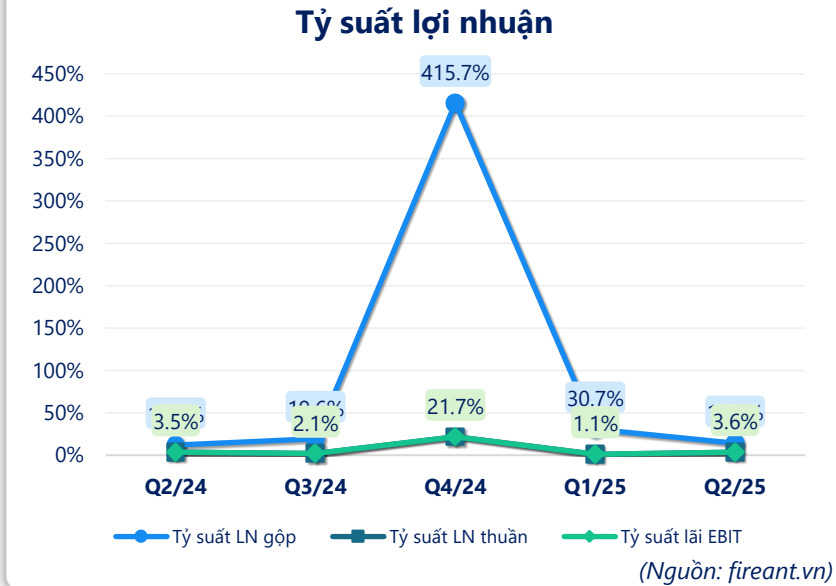
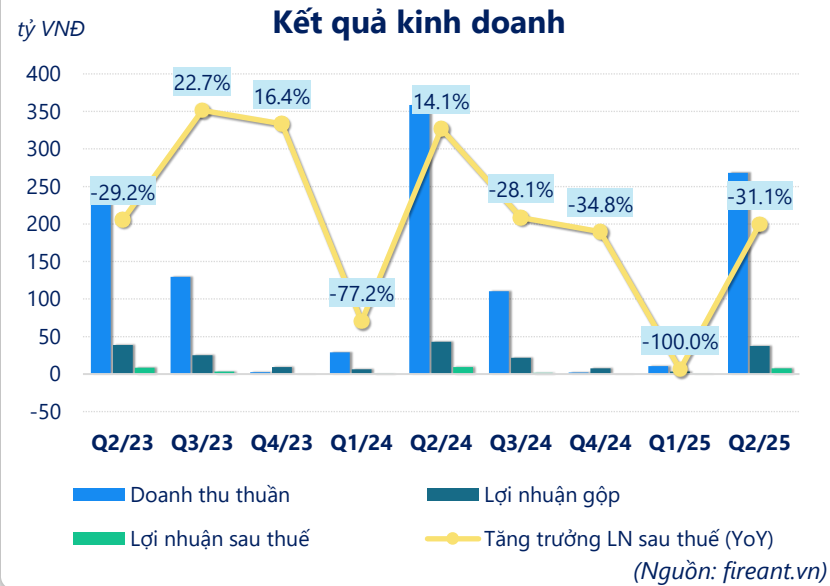


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		18,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		20,325
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		16,550
SL cổ phiếu LH		4,659,200
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,070
% sở hữu nước ngoài		28.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		86
P/E		9.2
EPS		2,006

	YTD	1T	3T	6T
DAD	-2.5%	3.3%	-1.0%	-3.4%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	338	163	107%
Tài sản ngắn hạn	316	140	126%
Tiền và tương đương tiền	32.6	68.2	-52.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.1	16.1	6.2%
Phải thu ngắn hạn	228	32.9	593%
Hàng tồn kho	36.4	21.7	67.7%
Tài sản ngắn hạn khác	1.61	0.98	64.4%
Tài sản dài hạn	22.7	23.4	-2.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	15.7	16.3	-4.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.08	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	6.80	6.80	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.21	0.29	-26.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	243	66.0	268%
Nợ ngắn hạn	243	66.0	268%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	195	26.2	644%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	95.9	97.3	-1.4%
Vốn chủ sở hữu	95.9	97.3	-1.4%
Vốn điều lệ	50.0	50.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	359	111	1.87	10.6	268
Giá vốn hàng bán	316	88.9	-5.89	7.34	231
Lợi nhuận gộp	43.1	21.7	7.76	3.25	37.6
Doanh thu HĐTC	0.90	0.16	3.14	1.64	0.51
Chi phí TC	0.70	0.56	0.01	0	0.23
Chi phí lãi vay	0.27	0.15	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	21.8	13.8	6.29	2.59	17.2
Chi phí QLDN	9.16	5.31	4.19	2.17	10.9
LN thuần từ HĐKD	12.3	2.18	0.41	0.12	9.75
Lợi nhuận khác	-0.11	0.00	0.00	0.00	0.00
LN trước thuế	12.2	2.18	0.41	0.12	9.75
Lợi nhuận sau thuế	9.35	1.75	-0.32	0.12	7.80
LNST của CĐ cty mẹ	9.35	1.75	-0.32	0.12	7.80

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-15.9	46.8	54.3	-37.0	9.84
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.98	-10.3	0.24	11.1	-10.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	16.2	-27.8	0	-6.99	-2.33
Tiền đầu kỳ	5.56	4.94	13.6	68.2	35.4
Lưu chuyển tiền thuần	-0.62	8.71	54.6	-32.8	-2.78
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.94	13.6	68.2	35.4	32.6

(Nguồn: fireant.vn)